

Bản án số: 2304/2026/DS-ST
Ngày: 11-6-2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Phường.
- Bà Trương Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Cơ sở 1 Tòa án nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1809/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2026/QĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1; Địa chỉ: G L, phường C, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Nguyễn Hồng P, sinh năm 1999; Địa chỉ: G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1982

Bà Bùi Thị Như N, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: 2 Ấp B L, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: đại diện Ngân hàng, bà N có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1 do bà Trương Nguyễn Hồng P đại diện trình bày:

Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1 (sau đây gọi là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn S, bà Bùi Thị Như N có ký kết Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023, có nội dung:

- Số tiền vay là : 2.300.000.000 đồng
- Lãi suất trong hạn áp dụng cho 03 tháng đầu tiên là 9%/năm, lãi suất đang áp dụng là 11.05%, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.
- Thời hạn vay: từ ngày 19/12/2023 đến 29/12/2048.

- Mục đích vay: hoàn vốn mua bất động sản.
- Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4-20 tọa lạc tại địa chỉ xã A, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thế chấp số K.0037/TC23 ngày 28/12/2023 đã công chứng số 9080 quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2023, đăng ký giao dịch bảo đảm 28/12/2023.

Thực hiện hợp đồng, ngày 28/12/2023 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông S bà N theo Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S bà N đã trả cho Ngân hàng số tiền 341.069.058 đồng (gốc là 50.637.856 đồng và tiền lãi là 290.431.202 đồng) sau đó thì không thanh toán nữa.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S bà N thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 2.249.362.144 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp đến hạn thanh toán mà ông S, bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- *Phía bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Bùi Thị Như N trình bày:*

+ Ông bà xác nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023 để vay Ngân hàng số tiền gốc là 2.300.000.000 đồng.

+ Ông bà xác nhận để đảm bảo số tiền vay trên thì ông S có thể chấp Quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4-20 tọa lạc tại địa chỉ xã A, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh) do ông S đứng tên sở hữu theo Giấy theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH 887026, số vào sổ cấp GCN CS06529 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 16/8/2022. Hai bên có làm Hợp đồng thế chấp số K.0037/TC23 ngày 28/12/2023 đã công chứng số 9080 quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2023, đăng ký giao dịch bảo đảm 28/12/2023.

+ Ông bà xác nhận Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay trên theo Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 28/12/2023.

Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông bà có ý kiến: Ông bà đồng ý phát mãi tài sản bảo đảm để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tòa án nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải để cho các đương sự giải quyết tranh chấp trên, nhưng bị đơn vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Đại diện nguyên đơn:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu ông S, bà N thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/6/2026 là 2.564.933.876 đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.249.362.144 đồng, nợ lãi trong hạn là 297.194.869 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.650.539 đồng, lãi chậm trả 16.726.324 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/6/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông S, bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- *Bị đơn bà N:* Vẫn giữ nguyên ý kiến và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng bà được trả nhiều lần.

- *Bị đơn ông S:* Vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Ngân hàng và ông S, bà N ký kết Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023 để vay số tiền gốc là 2.300.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là Quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4-20 tọa lạc tại địa chỉ A, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh) theo Hợp đồng thế chấp số K.0037/TC23 ngày 28/12/2023 đã công chứng số 9080 quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2023, đăng ký giao dịch bảo đảm 28/12/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S bà N có thanh toán số tiền 341.069.058 đồng sau đó không thanh toán nữa nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S, bà N thanh toán số tiền gốc còn nợ là 2.249.362.144 đồng và tiền lãi theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ. Trong trường hợp ông S bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Xét Đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2025 và Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023 thể hiện giữa Ngân hàng và ông S, bà N có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng. Do ông S, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ dân sự tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Xét, điểm b Điều 14 của Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023 các bên thỏa thuận khi có tranh chấp phát sinh thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1) - Chi nhánh T - Phòng G

Xét, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1) - Chi nhánh T - Phòng G có trụ sở hoạt động tại số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì khi các bên phát sinh tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn (ông S): Xét, Tòa án đã tổng đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông S theo quy định tại Điều 177, Điều

179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông S vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi:

Xét, Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023 thể hiện sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S, bà N thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/6/2026 là 2.564.933.876 đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.249.362.144 đồng, nợ lãi trong hạn là 297.194.869 đồng, lãi quá hạn 1.650.539 đồng, lãi chậm trả phải trả 16.726.324 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/6/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 351, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về thời hạn thanh toán:

Xét, tại phiên tòa bà N yêu cầu được thanh toán nhiều lần, phía Ngân hàng yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, ông S bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng đến nay đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nay bà N yêu cầu thanh toán nhiều lần là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông S, bà N thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Xét, để đảm bảo khoản vay trên, ông S đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4-20 tọa lạc tại địa chỉ A, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH 887026, sổ vào sổ cấp GCN CS06529 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 16/8/2022 cho ông S là chủ sở hữu, sử dụng. Hai bên có lập Hợp đồng thế chấp số K0037/TC23 ngày 28/12/2023 đã công chứng số 9080, quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2023, đăng ký giao dịch bảo đảm 28/12/2023. Căn cứ Điều 319, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 188 Luật Đất đai 2013 thì hợp đồng thế chấp giữa các bên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông S bà N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi một lần cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại cho ông S toàn bộ bản chính giấy tờ sở hữu, sử dụng của tài sản bảo đảm trên gồm có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH 887026, sổ vào sổ cấp GCN CS06529 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 16/8/2022.

Trong trường hợp đến hạn thanh toán mà ông S bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm trên theo Hợp đồng thế chấp số K0037/TC23 ngày 28/12/2023 đã công chứng số 9080, quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày

28/12/2023 để thu hồi nợ là phù hợp Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:*

Xét, ngày 16/12/2025, Ngân hàng có đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4-20 tọa lạc tại địa chỉ A, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 04/02/2026, Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ với chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng. Nay Ngân hàng đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận. Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông S bà N chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, ông S, bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng.

[4] *Về án phí sơ thẩm:*

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông S bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 2.564.933.876 đồng, tương ứng số tiền án phí là 83.298.678 đồng.

H lại cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.526.186 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036831 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Căn cứ Điều 466, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 118 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/Qh14 ngày 20/11/2017; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1.

1.1 Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Bùi Thị Như N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1 số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số K.0026/1323 ngày 28/12/2023 tính đến ngày 11/6/2026 là 2.564.933.876 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.249.362.144 đồng, nợ lãi trong hạn là 297.194.869 đồng, lãi quá hạn là 1.650.539 đồng, lãi chậm trả là 16.726.324 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/6/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

1.2 Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3 Ngay khi ông S, bà N thanh toán xong số nợ trên, Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1 có trách nhiệm trả bản chính giấy tờ sở hữu, sử dụng của

tài sản bảo đảm cho ông S là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH 887026, sổ vào sổ cấp GCN CS06529 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 16/8/2022.

1.4 Đến hạn thanh toán mà ông S, bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4-20 tọa lạc tại địa chỉ A, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh) theo Hợp đồng thế chấp số K.0037/TC23 ngày 28/12/2023 đã công chứng số 9080 quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2023, đăng ký giao dịch bảo đảm 28/12/2023 để thu hồi nợ.

1.5 Địa điểm thi hành: Tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về chi phí thẩm định tại chỗ:

Ông S bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn S và bà Bùi Thị Như N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.298.678 đồng

- Hoàn lại cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.526.186 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036831 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV9-TPHCM
- THADS TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

Trần Hoàng Thị Thanh Mai

